

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT SẢN PHẨM MẠ CÔNG NGHIỆP VINGAL**  
**Năm báo cáo: 2015**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT SẢN PHẨM MẠ CÔNG NGHIỆP VINGAL**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600239028

- Vốn điều lệ: 93.251.550.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 93.251.550.000 đồng

- Địa chỉ: Số 4, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, TP.Biên Hòa. Tỉnh Đồng Nai

- Số điện thoại: 061.3836 661

- Số fax: 061.3836.726

- Website: www.vingal.com

- Mã cổ phiếu (nếu có):

*Quá trình hình thành và phát triển*

Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm Mạ Công nghiệp Vingal (tên tiếng Anh: Vingal Industries Joint Stock Company) được chuyển đổi từ loại hình Công ty TNHH Hai thành viên trở lên theo Nghị quyết số 44/NQ-VNS ngày 25/11/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Sản xuất Sản phẩm mạ Vingal thành Công ty Cổ phần sản xuất sản phẩm mạ công nghiệp Vingal.

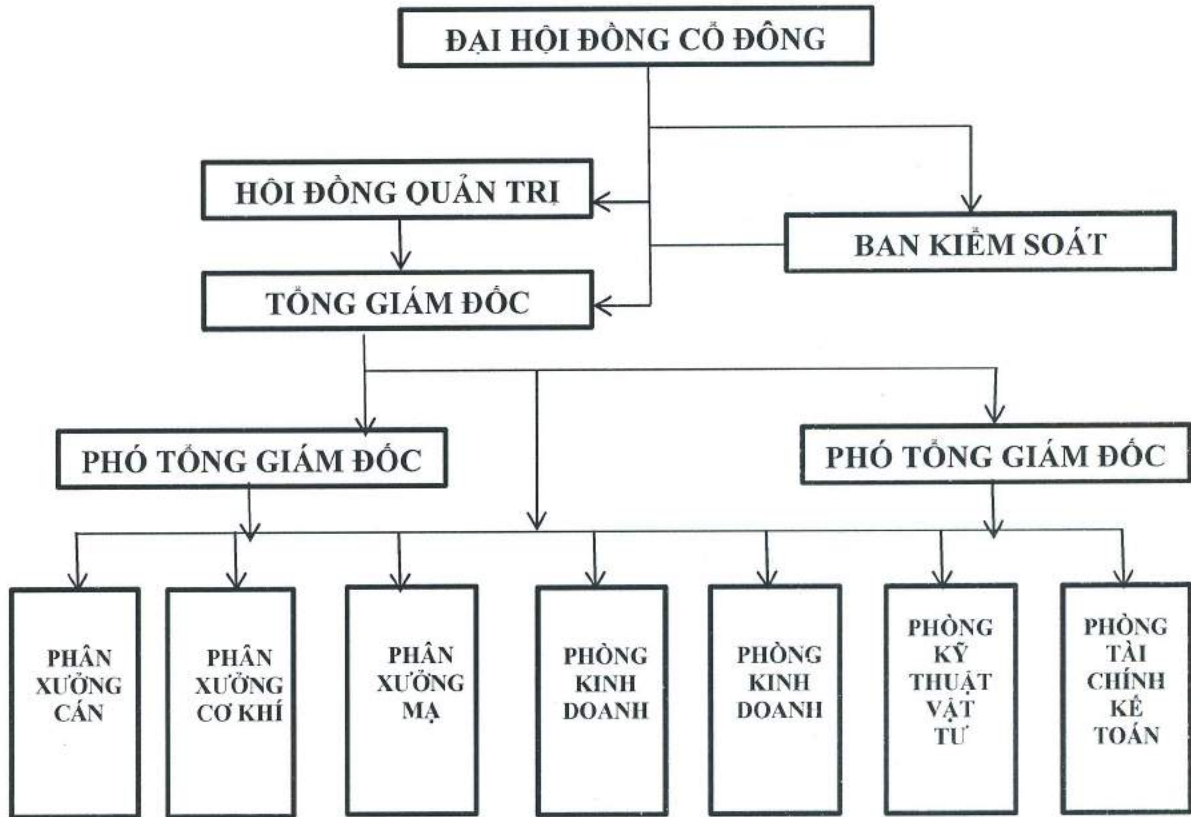
**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm thép và thép mạ.

- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh thuộc khu vực miền nam Việt Nam

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, gồm có:
  - + Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất công ty
  - + Đại hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra thực hiện quyền quản trị công ty.
  - + Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra kiểm soát các hoạt động quản trị và sản xuất kinh doanh của công ty
  - + Ban điều hành được Hội đồng quản trị bầu ra điều hành các hoạt động của công ty
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Công ty mẹ: Tổng công ty Thép Việt Nam – CTCP sở hữu 51% vốn Công ty

### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty
  - + Tiếp tục duy trì và nâng cao vị thế và thương hiệu má kẽm của Công ty Vingal, tập trung vào tiên độ và hiệu quả sản xuất để tạo lợi thế cạnh tranh.



- + Nâng cấp một số thiết bị, máy móc chất lượng cao nhằm đẩy mạnh chất lượng các mặt hàng cán ống và cơ khí góp phần tạo ưu thế cạnh tranh cho công ty.
- + Tập trung phát triển sản xuất hàng xuất khẩu bao gồm: trang bị máy móc cho xưởng cơ khí, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn phù hợp chuẩn quốc tế. Tích cực thu hút khách hàng từ các nước trên thế giới như: Nhật, Úc, Mỹ, Canada để tăng tỷ trọng xuất khẩu trong cơ cấu của công ty.

**- Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Công ty Vingal xây dựng chiến lược phát triển đồng bộ về tất cả mặt như: công tác quản lý, công tác đào tạo nguồn nhân lực, công tác sản xuất và công tác tiêu thụ nhằm khẳng định thương hiệu Vingal là thương hiệu vững mạnh ở thị trường trong nước và trên thế giới.

- + Xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm Mạ gia công của công ty là thương hiệu tốt nhất trong lĩnh vực mạ Mạ kẽm nhúng nóng trên thị trường.
- + Xây dựng tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, tập trung chăm lo ngày càng tốt hơn đời sống cán bộ công nhân viên. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- + Công ty tích cực tham gia, hưởng ứng các công tác xã hội do Nhà nước và các tổ chức Đoàn thể phát động như: thăm trại trẻ mồ côi, khuyết tật; thăm các cụ già neo đơn; hiến máu nhân đạo,...

**5. Các rủi ro**

- Tình hình kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, giá phiêi thép giảm: dẫn đến tình hình kinh doanh ngành sắt thép sụt giảm nghiêm trọng.
- Tình hình kinh tế trong nước vẫn còn khó khăn do giá dầu giảm, nợ xấu ngân hàng, hàng tồn kho, thị trường chứng khoán, bất động sản.... Những rủi ro đó đã ảnh hưởng lớn đến các khách hàng của công ty dẫn đến tình hình phát triển kinh doanh của công ty cũng bị những tác động tiêu cực như khó khăn trong công tác bán hàng; nguồn nguyên liệu đắt đỏ, khan hiếm; dòng tiền bị tắc nghẽn; nợ xấu...

**II. Tình hình hoạt động trong năm**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**



Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2015	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch 2016	Tỷ lệ TH so với KH 2015
<b>1. Doanh thu</b>	Tỷ đồng	<b>279</b>	<b>301</b>	<b>280</b>	<b>108%</b>
<b>2. Sản lượng sản xuất</b>	Tấn	<b>37.075</b>	<b>43.006</b>	<b>39.225</b>	<b>116%</b>
- Mạ gia công	Tấn	29.000	33.671	30.450	116%
- Ống thép	Tấn	7.500	7.551	7.875	101%
- Gia công cơ khí	Tấn	575	1.784	900	310%
<b>3. Sản lượng tiêu thụ</b>	Tấn	<b>37.075</b>	<b>42.922</b>	<b>39.225</b>	<b>116%</b>
- Mạ gia công	Tấn	29.000	33.641	30.450	116%
- Ống thép	Tấn	7.500	7.695	7.875	103%
- Gia công cơ khí	Tấn	575	1.586	900	276%

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Tạ Trung Hiếu	Tổng giám đốc	1.902.452	20,40%
2	Trương Văn Khanh	Phó Tổng giám đốc Cá nhân	3.800	0,04%
3	Nguyễn Hữu Nghĩa	Phó Tổng giám đốc Cá nhân	600	0,01%
4	Đỗ Bảo Trọng	Kế Toán trưởng Cá nhân	11.500	0,12%

- Chính sách đối với người lao động: Công ty Vingal ký hợp đồng lao động với tất cả CBCNV trong công ty, người lao động được hưởng các chế độ chính sách đúng theo Luật lao động hiện hành về



việc làm, tiền lương, chăm lo bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại,...Ngoài ra công ty còn thực hiện tham quan du lịch cho tất cả CBCNV vào hàng năm, cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động và thực hiện công tác an toàn lao động cho toàn công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

STT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị đầu tư	Số lượng	Thời gian thực hiện	Giá trị quyết toán (tỷ đồng)
1	Nền bãi số 4	2,500	P. xưởng mạ	1	9/2015	1,651
2	Hệ thống thiết bị khử hàm lượng sắt trong bể flux (chuyển tiếp từ 2014)	3,200	P. xưởng mạ	1	03/2015	0,781
3	Cầu trục dầm đơn tải trọng 6.3t x 16.9m) (Chuyển tiếp từ 2014)	0,950	p.xưởng cán	1	02/2015	0,791
4	Máy nén khí q= 13m <sup>3</sup> /p 75kw (Chuyển tiếp từ 2014)	1,000	p.xưởng mạ	1	01/2015	0,877
5	Máy đập thủy lực 200 T	0,500	PX.cơ khí	1	03/2015	0,478
6	Máy đập thủy lực 80 T	0,250	PX.cơ khí	1	01/2015	0,180
7	Máy cắt thép Yamashina	0,600	P.X cơ khí	1	12/2015	0,530
8	Máy photo Fuji Xerox V4070		Văn phòng	1	09/2015	0,063
9	Máy giặt vắt công nghiệp image (Thái Lan) HE 60		P. xưởng mạ	1	11/2015	0,214
10	Máy sấy công nghiệp image (Thái Lan) DE 75		P. xưởng mạ	1	11/2015	0,109
<b>Tổng</b>		<b>9,000</b>				<b>5,674</b>

Ghi chú: Mục 9, 10 là tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính



Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/Giảm
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	124.819.266.124	134.338.189.141	8%
<b>Doanh thu thuần</b>	259.943.054.690	300.715.725.374	16%
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	15.483.843.037	23.202.034.113	50%
<b>Lợi nhuận khác</b>	288.359.953	-151.875.977	-153%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	15.772.202.990	23.050.158.136	46%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	13.142.505.041	19.499.574.861	48%
<b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</b>	12%	14%	17%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	6,6	6,1
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	3,4	3,1
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	11	12
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	13	14
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Lần	5,0	5,4
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,1	2,2
+ <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6	6,5



+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11	16,6
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11	14,5
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5	6,5

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Tổng số cổ phần: 9.325.155 cổ phần

#### – Cơ cấu cổ đông:

+ Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP	:	4.756.130 cổ phần
+ Công ty TNHH TM và SX Thép Việt	:	932.515 cổ phần
+ Ông Đinh Thái Bình	:	3.550.010 cổ phần
+ Các cổ đông khác	:	86.500 cổ phần

#### – Loại cổ phần lưu hành: Phổ thông

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

NGUYÊN VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
PHÔI CUỘN THÀNH PHẨM	TẤN	7.585
KẼM THỜI	TẤN	2.042
NHÔM	TẤN	20
NIKEN	TẤN	2
CHÌ THỜI	TẤN	10

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

NHIÊN LIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
XĂNG THƠM	LÍT	1.413
KHÍ CNG	MMBTU	24.396



XĂNG RON	LÍT	11.760
DẦU DIESEL	LÍT	70.635
GAS 12KG	BÌNH	152
ĐIỆN	KW	1.430.400

### 6.3. Tiêu thụ nước

#### a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Công ty CP dịch vụ Sonadezi Long Bình
- Lượng nước tiêu thụ trong năm 2015: 33.618 m<sup>3</sup>

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

#### a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Số lần bị xử phạt: 01 lần

#### b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 80.000.000 đồng

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

#### a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng Lao động: 199 lao động

Mức lương bình quân: 11.788.000 đồng

#### b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Cung cấp đầy đủ quần áo, dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân viên
- Cung cấp sữa bồi dưỡng độc hại hàng tháng cho người lao động
- Xây dựng nhà giặt đồ phục vụ cho công nhân viên trong công ty
- Thực hiện tham quan du lịch cho toàn bộ cán bộ công nhân viên vào hàng năm

#### c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 32 giờ/năm cho toàn bộ công nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc





làm và phát triển sự nghiệp: Các khóa học đào tạo an toàn, phòng chống chữa cháy, nâng bậc, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động,...

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2015, công ty Vingal đã thực hiện quyên góp ủng hộ xã hội từ thiện, thăm và giúp đỡ bằng hiện vật các cụ già neo đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, khuyết tật, bên cạnh đó công nhân viên trong công ty cũng tiến hành các hoạt động hiến máu từ thiện,...

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Nhìn chung kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty đạt rất tốt, các chỉ tiêu chính về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch đề ra.

+ Sản phẩm mã kẽm của công ty có mặt ở hầu hết các công trình trọng điểm trong nước tiếp tục được khách hàng đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ giao nhận hàng nên sản lượng tiêu thụ năm 2015 tăng 15% so với năm 2014,

+ Sản phẩm cơ khí tăng trưởng mạnh, đặc biệt sản phẩm xuất khẩu sang các nước châu Âu và châu Mỹ ổn định.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

+ Công ty có nhiều cải tiến kỹ thuật, giải pháp công nghệ nhằm làm giảm tiêu hao vật tư so với định mức giúp tăng khả năng cạnh tranh.

+ Nguồn tài chính ổn định đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh sản xuất

+ Cải tiến quy trình quản lý và sản xuất nhằm nâng cao năng lực điều hành quản lý

#### 2. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

DVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	31/12/2014	31/12/2015	SỐ SÁNH
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>91.553.550.456</b>	<b>101.233.450.524</b>	<b>111%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	33.499.952.196	33.185.817.874	99%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-



3	Các khoản phải thu	14.062.940.941	17.269.424.309	123%
4	Hàng tồn kho	43.685.290.314	50.337.700.113	115%
5	Tài sản ngắn hạn khác	305.367.005	440.508.228	144%
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>33.265.715.668</b>	<b>33.104.738.617</b>	<b>99%</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Tài sản cố định	33.265.715.668	35.639.651.275	107%
3	Tài sản cố định hữu hình	32.157.326.703	32.569.345.259	101%
4	Tài sản dài hạn khác		283.333.340	
5	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.108.388.965	252.060.018	23%
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>124.819.266.124</b>	<b>134.338.189.141</b>	<b>108%</b>

Nhìn chung tổng tài sản của Công ty Vingal vào năm 2015 tăng so với năm 2014 ở hầu hết các chỉ tiêu. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng khá đáng kể cụ thể là 11%

Về tài sản ngắn hạn, lượng tiền và các khoản tương đương tiền tăng hơn gấp đôi còn các khoản phải thu tăng 23% so với 2014, cho thấy tình hình thanh khoản của công ty rất tốt và công ty triển khai chính sách nói lòng tin dụng nhằm thu hút khách hàng. Hàng tồn kho gia tăng thêm 15% nhằm đáp ứng kịp thời lượng hàng khi khách hàng có nhu cầu.

Nợ phải thu của công ty năm 2015 đều là các khoản nợ có khả năng thu hồi không có các khoản nợ xấu, đó là nhờ công tác kiểm soát tín dụng tốt, thường xuyên đôn đốc thu hồi các khoản nợ đến hạn và quá hạn

*b) Tình hình nợ phải trả*

*ĐVT: Đồng*

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2014	31/12/2015	SO SÁNH
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>13.891.647.175</b>	<b>16.600.078.768</b>	<b>120%</b>
1	Phải trả người bán	4.642.732.355	6.046.396.399	130%
2	Người mua trả tiền trước	2.219.981.757	1.359.057.192	61%
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.254.846.995	573.847.335	46%
4	Phải trả người lao động	4.960.396.176	7.740.938.580	156%



5	Các khoản phải trả phải nộp khác	194.914.108	222.286.539	<b>114%</b>
6	Quỹ khen thưởng phúc lợi	618.775.784	657.552.723	<b>106%</b>

Các khoản nợ phải trả vào thời điểm cuối 2015 cao hơn năm 2014, cụ thể là cao hơn 20% so với năm 2014. Nguyên nhân là do các khoản Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước, Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, Phải trả người lao động đều tăng so với năm 2014. Sự gia tăng này là đủ phù hợp với tình hình thực tế của công ty và không ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục rà soát, bổ sung ban hành một số quy chế trong công tác quản lý
- Kiện toàn nhân sự ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng của Công ty
- Hoàn thành việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ phục vụ đại hội Đảng, tạo tiền đề sự phát triển bền vững của Công ty
- Công ty đã trang bị hệ thống Cameras góp phần đảm bảo công tác an ninh trật tự, bảo vệ tài sản
- Trang bị hệ thống máy chấm công tự động đề tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý lao động sản xuất
- Củng cố bộ phận KCS đề tăng cường công tác quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm từ đầu vào đến đầu ra, nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng
- Công ty tiếp tục triển khai chương trình thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí
- Thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động, tổ chức đối thoại với người lao động để giải đáp các kiến nghị, thắc mắc của người lao động một cách công khai, minh bạch.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Ghi chú
<b>1. Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>39.225</b>	
- Mạ gia công	Tấn	30.450	



- Ống thép	Tấn	7.875	
- Gia công cơ khí	Tấn	900	
<b>2. Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>39.225</b>	
- Mạ gia công	Tấn	30.450	
- Ống thép	Tấn	7.875	
- Gia công cơ khí	Tấn	900	
<b>3. Doanh thu</b>	Triệu đồng	<b>280.000</b>	
<b>5. Lợi nhuận trước thuế</b>	Triệu đồng	18.125	
<b>6. Thu nhập BQNLD/người/ tháng</b>	Nghìn đồng	10.450	

b. Kế hoạch đầu tư năm 2016

DVT: Triệu đồng

STT	Tên thiết bị, phương tiện	Tổng mức đầu tư	Vốn chủ sở hữu	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>THIẾT BỊ</b>				
1	Xe nâng 5T (02 xe)	3.000	3.000	Quý I	
2	Robot hàn (đã qua sử dụng - 03 cái)	1.500	1.500	Quý II	
3	Máy cắt giường Plasma CNC (1.600 - 2.000) x (3.000 - 6.000)mm (đã qua sử dụng - 01 máy)	500	500	Quý III	
4	Máy dập nén khí 80T (đã qua sử dụng - 01 cái)	250	250	Quý III	
5	Máy dập nén khí 60T (đã qua sử dụng - 01 cái)	200	200	Quý III	



	<b>TỔNG</b>	<b>5.450</b>	<b>5.450</b>		
<b>II</b>	<b>XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>				
1	Xây dựng mở rộng xưởng cơ khí (44 x 18.2 )m (dài x rộng)	2.200	2.200	Quý II	
	<b>TỔNG</b>	<b>2.200</b>	<b>2.200</b>		

#### 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

##### a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Năm 2015, lượng nước Công ty Vingal tiêu thụ là 33.618 M<sup>3</sup>, lượng điện tiêu thụ là 1.430.400 KW, tình hình tiêu thụ năng lượng trên hoàn toàn phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty trong năm 2015.

Về việc xử lý chất thải, Công ty Vingal đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy trình về vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt cũng như rác thải công nghiệp.

##### b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty luôn thực hiện đúng theo quy định các chính sách đối với người lao động về tiền lương, bảo hiểm, nghỉ dưỡng và đào tạo.

##### c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2015, công ty đã tham gia các hoạt động vì cộng đồng như: hiến máu nhân đạo, thăm các cụ già neo đơn, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật,...

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015 công ty Vingal đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoạt động sản xuất kinh doanh đều vượt kế hoạch đề ra, các sản phẩm của công ty có mặt rộng rãi tại thị trường trong nước và dần đang phát triển ra ngoài nước, công tác quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường cũng được chú trọng, các chính sách về người lao động đều thực hiện tốt, hoàn thành công tác về an toàn lao động và môi trường, thường xuyên thực hiện các hoạt động từ thiện vì cộng đồng tại địa phương. Bên cạnh những mặt tích cực, công ty còn một số hạn chế cần khắc phục như nâng cao chất lượng mặt hàng

ồng thép, trau dồi kiến thức trình độ cho các nhân viên thị trường để thị phần của công ty ngày càng được mở rộng.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban giám đốc của Công ty Vingal đã thực hiện tốt công tác quản lý trong năm 2015, kiện toàn nhân sự quản lý, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, trang bị hệ thống thiết bị như camera, máy chấm công nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Về công tác thị trường: đẩy mạnh công tác tiếp thị mở rộng thị trường đến các nhà thầu xây dựng, tập trung chăm sóc khách hàng cũ và phát triển thêm khách hàng mới, phát triển thị trường xuất khẩu sản phẩm cơ khí, xây dựng cơ chế giá linh hoạt áp dụng với từng đối tượng khách hàng
- Về công tác tài chính kế toán: Chuẩn bị nguồn vốn và sử dụng vốn hiệu quả, đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ và lập kế hoạch thanh toán nợ phải trả đúng hạn.
- Về công tác kỹ thuật và môi trường: Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hoàn thiện quy trình sản xuất đối với từng chủng loại hàng, cải tiến công nghệ sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động, bên cạnh đó cũng phải tăng cường công tác an toàn lao động và môi trường.
- Về công tác quản lý: Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống quản trị nội bộ, kiểm soát chi phí và tăng cường quản lý quản trị công nợ để không phát sinh nợ xấu, xây dựng quy trình hàng tồn kho hợp lý, thực hiện công tác tiết kiệm và phòng chống lãng phí, đồng thời phát triển công tác đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn phù hợp với mô hình sản xuất và định hướng phát triển của Công ty.

## V. Báo cáo tài chính

Tài liệu kèm theo

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật**  
của Công ty



**Tạ Trung Hiếu**